

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1045 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Trường Đại học Đại Nam theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

CÔNG VĂN BẢN

Số: 09

Ngày: 27.1.2018

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-BGDĐT ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi tên và mã số các ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Trường Đại học Đại Nam theo tên và mã số các ngành đào tạo được quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Danh sách các ngành đào tạo của Trường Đại học Đại Nam kèm theo Quyết định này.

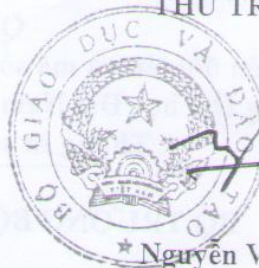
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Đại học Đại Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH.



★ Nguyễn Văn Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

(Kèm theo Quyết định số: 1045/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trình độ	Ngành đào tạo hiện tại của Trường			Ngành đào tạo của Trường theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	ThS	60340410	Quản lý kinh tế	3777/QĐ-BGDĐT, 23/09/2015	8310110	Quản lý kinh tế
2	ThS	60340301	Kế toán	5372/QĐ-BGDĐT, 14/11/2014	8340301	Kế toán
3	ThS	60340201	Tài chính - Ngân hàng	4446/QĐ-BGDĐT, 04/10/2013	8340201	Tài chính - Ngân hàng
4	ĐH	52720501	Điều dưỡng	5161/QĐ-BGDĐT, 03/11/2016	7720301	Điều dưỡng
5	ĐH	52720401	Dược học	2965/QĐ-BGDĐT, 14/08/2013	7720201	Dược học
6	ĐH	52580201	Kỹ thuật công trình xây dựng	7/QĐ-BGDĐT, 02/01/2008	7580201	Kỹ thuật xây dựng
7	ĐH	52580102	Kiến trúc	1861/QĐ-BGDĐT, 28/05/2013	7580101	Kiến trúc
8	ĐH	52520301	Kỹ thuật hoá học	3407/QĐ-BGDĐT, 04/09/2014	7520301	Kỹ thuật hoá học
9	ĐH	52480201	Công nghệ thông tin	4516/QĐ-BGDĐT, 07/07/2009	7480201	Công nghệ thông tin
10	ĐH	52380107	Luật kinh tế	452/QĐ-BGDĐT, 10/02/2015	7380107	Luật kinh tế
11	ĐH	52360708	Quan hệ công chúng	1868/QĐ-BGDĐT, 28/04/2010	7320108	Quan hệ công chúng
12	ĐH	52340301	Kế toán	7/QĐ-BGDĐT, 02/01/2008	7340301	Kế toán
13	ĐH	52340201	Tài chính - Ngân hàng	7/QĐ-BGDĐT, 02/01/2008	7340201	Tài chính - Ngân hàng
14	ĐH	52340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3796/QĐ-BGDĐT, 24/09/2015	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
15	ĐH	52340101	Quản trị kinh doanh	4516/QĐ-BGDĐT, 07/07/2009	7340101	Quản trị kinh doanh

TT	Trình độ	Ngành đào tạo hiện tại của Trường			Ngành đào tạo của Trường theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT	
		Mã ngành	Tên ngành	Số, ngày QĐ mở ngành	Mã ngành	Tên ngành
16	ĐH	52220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc
17	ĐH	52220201	Ngôn ngữ Anh	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	7220201	Ngôn ngữ Anh

Danh sách gồm: 17 ngành đào tạo trong đó có 03 ngành trình độ thạc sĩ và 14 ngành trình độ đại học.

10	ĐH	52280103	Truyền thông	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	72280103	Truyền thông
6	ĐH	52480501	Công nghệ kỹ thuật	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	72480501	Công nghệ kỹ thuật
8	ĐH	52530201	Kỹ thuật điện	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	72530201	Kỹ thuật điện
1	ĐH	52580103	Kỹ thuật	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	72580103	Kỹ thuật
9	ĐH	52580501	Kỹ thuật công nghệ kỹ thuật	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	72580501	Kỹ thuật công nghệ kỹ thuật
2	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
4	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
3	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
11	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
12	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
13	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
14	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
15	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
16	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý
17	ĐH	53130401	Quản lý	538/QĐ-BGDĐT, 31/01/2008	73130401	Quản lý

